

Bản án số: 30/2026/KDTM-PT
Ngày: 21-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé

Ông Nguyễn Ngọc Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:** Bà Nguyễn Thị Anh Tú – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2026/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2026/KDTM-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A; trụ sở: số 218 đường A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh L – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ 79, phường S, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư – Thương mại – Xuất nhập khẩu thép A). Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q; trụ sở: số 37 đường Đ, phường C, thành phố Đà Nẵng; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức D – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn P, xã H, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy ủy quyền ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q). Có mặt

3. Người kháng cáo: bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 11 năm 2025, các đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A (Công ty A) và Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q (Công ty Q) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 2011/HĐNT/2024/AP-QN về việc mua bán thép xây dựng, vật tư xây dựng các loại, với số lượng, quy cách, giá bán hàng hóa, phương thức và địa điểm giao nhận hàng theo Bảng báo giá có xác nhận của hai bên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, hai bên đã ký Bảng báo giá kiêm xác nhận đơn hàng với nội dung Công ty A báo giá và Công ty Q xác nhận mua thép xây dựng Tungho TCVN 1651-2:218 là thép cây các loại D12, D14, D16, D22, D25, D28 quy cách CB400V, tổng khối lượng 68.882 kg, giá trị đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ hàng và gồm VAT là 1.056.493.339 đồng, giao hàng tại công trình Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1 ở xã Tam Phước, huyện Long Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (cũ). Theo đó, Công ty Q có trách nhiệm nhận hàng và thanh toán cho Công ty A trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. Hai bên cũng thống nhất tại Hợp đồng nguyên tắc số 2011/HĐNT/2024/AP-QN ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc trong trường hợp phát sinh nợ quá hạn thì Công ty Q phải chịu tiền lãi nợ quá hạn phát sinh trên số tiền gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn, lãi suất đối với số nợ quá hạn được hai bên thống nhất áp dụng là bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu tại thời điểm quá hạn.

Thực hiện hợp đồng mua bán và xác nhận đơn hàng được hai bên ký kết, Công ty A đã thực hiện giao hàng cho Công ty Q vào ngày 26 và ngày 27 tháng 11 năm 2024 đầy đủ hàng hóa theo thỏa thuận trong hợp đồng với giá trị hàng hóa là 1.056.493.339 đồng. Quy đổi theo barem (kg/cây) của nhà sản xuất tại Bảng báo giá kiêm xác nhận đơn hàng ngày 22 tháng 11 năm 2024, tổng khối lượng hàng mà Công ty A đã giao cho Công ty Q là 68.882 kg và thành tiền giá trị hàng hóa đã giao được Công ty A xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000304 ngày 29 tháng 11 năm 2024, với thành tiền đã bao gồm thuế giá trị gia tăng mà Công ty Q cần phải thanh toán cho Công ty A là 1.056.493.339 đồng, thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 28 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán Công ty Q không thực hiện trả tiền hàng cho Công ty A. Qua nhiều lần Công ty A đôn đốc nhắc nợ, vào ngày 28 tháng 3 năm 2025 Công ty Q đã trả số tiền 11.071.471 đồng. Để giải quyết các khoản nợ nêu trên, Công ty A đã nhiều lần liên hệ làm việc cũng như gửi văn bản yêu cầu Công ty Q thanh toán nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay Công ty Q vẫn cố ý chây ì, không thực hiện thanh toán khoản nợ mua hàng nêu trên cho Công

ty A. Điều này gây khó khăn về tài chính và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty A.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A kính đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q thanh toán cho Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A tổng số tiền nợ và lãi phát sinh theo Hợp đồng nguyên tắc số 2011/HĐNT/2024/AP-QN ngày 20 tháng 11 năm 2024 tạm tính đến hết ngày 19 tháng 12 năm 2025 là 1.120.055.191 đồng, trong đó: Giá trị hàng hóa mua bán (số tiền gốc quá hạn): 1.045.421.868 đồng và lãi nợ quá hạn. (Theo mức lãi suất cho vay của Vietinbank là 0.02%/ngày nhân với số ngày quá hạn từ ngày 29 tháng 12 năm 2024 đến hết ngày 10 tháng 02 năm 2026 là 88.063.146 đồng, tổng cộng là 1.133.485.014 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2026/KDTM-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” của Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A đối với Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q.

2. Áp dụng:

- Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 24, 34, 50 và 306 Luật Thương mại;
- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Buộc Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A số tiền tổng cộng là 1.133.485.014 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi ba triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn không trăm mười bốn đồng), trong đó 1.045.421.868 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi một ngàn tám trăm sáu mươi tám đồng) tiền gốc và 88.063.146 đồng (tám mươi tám triệu không trăm sáu mươi ba ngàn một trăm bốn mươi sáu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, bị đơn Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, tạo điều kiện gia hạn thời gian thanh toán, cho phép trả tiền theo từng đợt và giảm một phần tiền lãi chậm trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên, cụ thể:

1/ Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q cam kết thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.045.421.868 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng) cho Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A thành 04 đợt:

- Đợt 1: ngày 21 tháng 6 năm 2026 trả số tiền 300.000.000 đồng;

- Đợt 2: ngày 21 tháng 7 năm 2026 trả số tiền 300.000.000 đồng;

- Đợt 3: ngày 21 tháng 8 năm 2026 trả số tiền 300.000.000 đồng;

- Đợt 4: ngày 21 tháng 9 năm 2026, trả số tiền gốc còn lại và toàn bộ lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 7,5%/năm (trong đó: lãi tính đến ngày 10 tháng 2 năm 2026 là 88.063.146 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 11 tháng 2 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong).

2/ Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào nêu trên thì Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền Công ty Q còn nợ (kể cả nợ chưa đến hạn) và tiền lãi chậm thanh toán theo mức 7,5%/năm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, xét thấy việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng ban hành Bản án kinh doanh thương mại số 02/2026/KDTM-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và được tổng đạt bản án vào ngày 25 tháng 02 năm

2026. Ngày 02 tháng 3 năm 2026, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung vụ án là trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, xét thấy việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa Bản án kinh doanh thương mại số 02/2026/KDTM-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể:

1. Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q có nghĩa vụ phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A số tiền nợ gốc là 1.045.421.868 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi chậm trả như sau:

- Đợt 1: ngày 21 tháng 6 năm 2026, trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);

- Đợt 2: ngày 21 tháng 7 năm 2026, trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);

- Đợt 3: ngày 21 tháng 8 năm 2026, trả số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);

- Đợt 4: ngày 21 tháng 9 năm 2026, trả số tiền gốc còn lại là 145.421.868 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi một nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng), tiền lãi tính đến ngày 10 tháng 2 năm 2026 là 88.063.146 đồng (tám mươi tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 11 tháng 2 năm 2026 theo mức lãi suất 7,5%/năm trên số tiền gốc chậm thanh toán cho đến khi trả xong nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q vi phạm bất cứ đợt thanh toán nào nêu trên thì Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q còn nợ (kể cả nợ chưa đến hạn), lãi tạm tính đến ngày 10 tháng 2 năm 2026 là 88.063.146 đồng (tám mươi tám triệu không

trăm sáu mươi ba nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 11 tháng 2 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất 7,5%/năm.

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 46.004.550 đồng (bốn mươi sáu triệu không trăm lẻ bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng) và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ vận tải Q phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001976 ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại - Xuất nhập khẩu thép A số tiền tạm ứng án phí 22.662.832 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm ba mươi hai đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005501 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng
- TAND KV3-Đà Nẵng;
- VKSND KV3-Đà Nẵng;
- PTHADS KV3-Đà Nẵng;
- Lưu: hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn